

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC nâng cao (228264) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A			<i>Lê Tuấn Anh</i>	7.1	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A			<i>Võ Đức Anh</i>	6.3	7.8	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150005	LÊ CÔNG DANH	16/04/2002	CCQ2015A			<i>Danh</i>	8.1	9.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150006	LÊ HẢI DUY	07/11/2002	CCQ2015A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A			<i>Tạ Huy Hùng</i>	7.5	8.0	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A			<i>Lê Trương Nhật Kha</i>	6.7	7.5	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150015	LÊ QUỐC KHÁNH	09/09/2002	CCQ2015A			<i>Lê Quốc Khánh</i>	8.0	8.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A			<i>Nguyễn Minh Khánh</i>	6.0	8.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060013	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	15/11/1999	CCQ2006A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A			<i>Trần Công Mạnh</i>	6.6	6.8	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150022	TRẦN HỮU SANG	21/06/2001	CCQ2015A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060017	DIỆP BẢO QUỐC	12/10/2002	CCQ2006A			<i>Diệp Bảo Quốc</i>	6.0	7.0	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	11/02/2002	CCQ2015A			<i>Nguyễn Ngọc Quyền</i>	7.8	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150025	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/02/2002	CCQ2015A			<i>Nguyễn Ngọc Sơn</i>	8.0	8.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A			<i>Nguyễn Văn Tân</i>	6.3	7.8	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A			<i>Nguyễn Minh Thanh</i>	7.2	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060051	LÊ BẢO THẮNG	03/07/2002	CCQ2006B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A			<i>Lê Xuân Thương</i>	7.0	8.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120060030	VÕ MINH TRÍ	15/09/2002	CCQ2006A			<i>Võ Minh Trí</i>	4.8	4.0	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120150032	PHẠM HUỖNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A			<i>Phạm Huỳnh Anh Tú</i>	7.8	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC nâng cao (228264) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Lê Nhật Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: ...17.....

Số bài thi: ...17.....

Số tờ giấy thi: ...17.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên	 Nguyễn Lê Nhật Tuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A				6.3	7.5	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

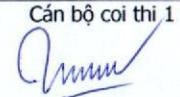
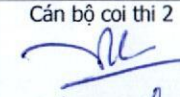
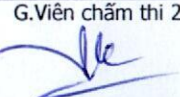
Môn học: **Thực tập PLC nâng cao (228264) - Nhóm 02**

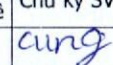
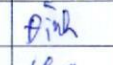
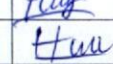
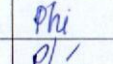
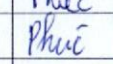
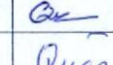
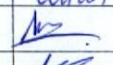
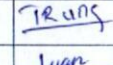
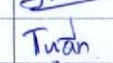
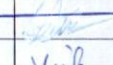
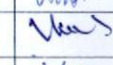
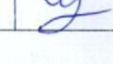
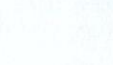
CBGD: **Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên	 Nguyễn Lê Nhứt Tuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B				7.6	6.0	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B				6.8	6.8	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B				6.7	7.8	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B				7.9	9.0	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050019	CAO THÁI PHI	19/08/2001	CCQ1915C				6.0	7.5	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120150039	BÙI LƯƠNG VẤN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B				7.6	7.8	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B				7.7	8.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B				7.1	6.0	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B				7.7	7.5	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B				7.4	6.0	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060022	CAO QUỐC THẮNG	14/05/2002	CCQ2006A				6.5	8.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060028	PHẠM VĂN TOÀN	04/10/2002	CCQ2006A				6.0	7.8	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B				7.4	7.8	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B				7.8	8.3	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B				7.6	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150055	TRẦN VĂN VÀNG	29/05/2002	CCQ2015B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A				7.0	7.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150034	HUỖNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A				7.2	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A				6.7	8.0	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9